

QUY TRÌNH BIÊN SOẠN BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN CHO HỌC PHẦN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hà

Bộ môn Ngữ văn Việt Nam, Trường Đại học Hà Nội

Email: hanguyen@hanu.edu.vn.

Tóm tắt: Để đem lại hiệu quả cao và đáng tin cậy của bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan, việc xác định, xây dựng quy trình các bước biên soạn là vô cùng quan trọng. Dựa vào những lý luận của lý thuyết kiểm tra đánh giá và lý thuyết khảo thí, bài viết đề xuất các bước cần phải thực hiện cho việc biên soạn bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn cho học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam tại Bộ môn Ngữ văn Việt Nam, Trường Đại học Hà Nội.

Từ khóa: Quy trình, biên soạn, bộ câu hỏi, trắc nghiệm khách quan, học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam
Nhận bài: 29/01/2026; Biên tập: 20/01/2026; Phản biện: 02/02/2026; Duyệt đăng: 09/02/2026.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy và học luôn là nhu cầu tự thân và nhiệm vụ cấp thiết của giáo dục. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (1996) đã nhấn mạnh yêu cầu đổi mới phương thức giáo dục, khắc phục lối truyền thụ một chiều, chú trọng rèn luyện tư duy sáng tạo của người học và từng bước áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại, tạo điều kiện cho người học tự học, tự nghiên cứu. Trong quá trình đó, kiểm tra, đánh giá (KTĐG) là khâu quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đối với người học, KTĐG đúng hướng, khách quan sẽ tạo động lực học tập; đối với người dạy, kết quả KTĐG là cơ sở để điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy. Nghị quyết số 29-NQ/TW tiếp tục khẳng định yêu cầu đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá theo hướng bảo đảm trung thực, khách quan và phù hợp với các tiêu chí đánh giá tiên tiến.

Từ khi áp dụng đào tạo theo tín chỉ, Bộ môn Ngữ văn Việt Nam, Trường Đại học Hà Nội - đơn vị phụ trách giảng dạy học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam - đã nghiên cứu và triển khai đổi mới hình thức KTĐG kết quả học tập của sinh viên. Trước đây, học phần được đánh giá bằng bài thi tự luận cuối kỳ gồm hai câu hỏi lý thuyết. Từ năm 2006, bộ môn đã áp dụng hình thức kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận. Cụ thể, bài kiểm tra thường xuyên sử dụng 30 câu TNKQ (chiếm 30% điểm học phần), còn bài thi kết thúc học phần gồm 35 câu TNKQ (7 điểm) và một câu tự luận (3 điểm). Hình thức kết hợp này giúp khắc phục hạn chế của cách thi truyền thống: phần tự luận đánh giá khả năng phân tích và lập luận, trong khi TNKQ giúp kiểm tra kiến thức toàn diện của chương trình.

Để thực hiện hiệu quả hình thức KTĐG này, việc xây dựng ngân hàng câu hỏi TNKQ cho học phần là yêu cầu cần thiết. Việc biên soạn câu hỏi cần tuân thủ quy trình khoa học dựa trên các nguyên tắc KTĐG nhằm bảo đảm độ tin cậy và phản ánh

đúng mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình. Quy trình này giúp xác định ma trận đề, mức độ nhận thức và kiểm soát chất lượng câu hỏi, qua đó nâng cao tính khách quan và hiệu quả của hoạt động kiểm tra, đánh giá trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam tại Bộ môn Ngữ văn Việt Nam, Trường Đại học Hà Nội

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam được giảng dạy phổ biến tại các trường đại học thuộc khối Khoa học xã hội và nhân văn. Tại Trường Đại học Hà Nội, học phần này được đưa vào chương trình đào tạo từ đầu thập niên 1990 với tư cách là học phần cơ sở ngành. Trước đây, việc kiểm tra đánh giá học phần chủ yếu được thực hiện thông qua bài thi tự luận cuối kỳ. Hiện nay, theo yêu cầu của hình thức đào tạo theo tín chỉ, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá thông qua ba thành phần: điểm chuyên cần, điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, các bài kiểm tra thường xuyên và bài thi kết thúc học phần sử dụng hình thức TNKQ với khoảng 30 - 35 câu hỏi.

Việc xây dựng hệ thống câu hỏi TNKQ phục vụ cho các kỳ kiểm tra, đánh giá được thực hiện dựa trên đề cương chi tiết của học phần. Về mục tiêu, học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa học, cơ sở hình thành của văn hóa Việt Nam truyền thống, diễn trình phát triển văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa cũng như một số thành tố văn hóa tiêu biểu. Qua đó, người học có thể vận dụng kiến thức về văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong học tập và đời sống.

Chuẩn đầu ra của học phần bao gồm: về kiến thức, sinh viên có khả năng trình bày các khái niệm cơ bản của văn hóa học, mô tả đặc trưng của một số thành tố văn hóa Việt Nam và phân tích các nền tảng hình thành văn hóa Việt Nam trên các phương

diện tự nhiên, xã hội, lịch sử và vùng văn hóa. Về kỹ năng, sinh viên có thể thuyết trình về các vấn đề liên quan đến văn hóa Việt Nam truyền thống. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Nội dung học phần gồm năm phần chính: các khái niệm cơ bản về văn hóa học; những nền tảng hình thành văn hóa Việt Nam truyền thống; diễn trình văn hóa Việt Nam; các vùng văn hóa; và một số thành tố tiêu biểu của văn hóa Việt Nam truyền thống. Tổng thời lượng học phần là 30 tiết, gồm 28 tiết giảng dạy và 2 tiết kiểm tra, đánh giá.

2.2. Cơ sở lý thuyết xây dựng quy trình biên soạn bộ câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn

2.2.1. Lý thuyết về kiểm tra, đánh giá

KTĐG là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học, góp phần xác định mức độ đạt được của mục tiêu học tập và nâng cao chất lượng giáo dục. Để đảm bảo hiệu quả, hoạt động KTĐG cần đáp ứng một số yêu cầu cơ bản.

Trước hết, cần đảm bảo sự phù hợp giữa phương pháp đánh giá và mục tiêu học tập. Do mục tiêu học tập đa dạng, các phương pháp đánh giá phải được lựa chọn sao cho có thể đo lường chính xác những mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh đó, KTĐG phải đảm bảo tính giá trị, tức là nội dung đánh giá phải xuất phát từ mục tiêu và nội dung chương trình, phù hợp với trình độ nhận thức của người học. Đồng thời, cần xây dựng kế hoạch đánh giá rõ ràng để xác định các nội dung cần kiểm tra.

KTĐG cũng phải đảm bảo tính tin cậy, nghĩa là kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học và cho kết quả ổn định ở các thời điểm khác nhau. Ngoài ra, hoạt động đánh giá cần đảm bảo tính công bằng, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người học, tránh những yếu tố thiên lệch liên quan đến giới tính, nguồn gốc hay điều kiện kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, tính hiệu quả cũng là yêu cầu quan trọng, thể hiện ở sự hợp lý giữa thời gian, công sức chuẩn bị, tổ chức và chấm điểm.

Về phương pháp KTĐG, có thể phân loại theo nhiều tiêu chí: theo cách thực hiện gồm quan sát, vấn đáp và viết; theo mục tiêu gồm đánh giá trong quá trình và đánh giá tổng kết; theo cách sử dụng kết quả gồm đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí. Trong giáo dục đại học, hình thức kiểm tra viết được sử dụng phổ biến, đặc biệt với các kỳ thi có số lượng sinh viên lớn.

Các công cụ đo lường kết quả học tập thường được chia thành hai dạng chính: tự luận và trắc nghiệm khách quan (TNKQ). Câu hỏi tự luận yêu cầu người học trình bày câu trả lời bằng bài viết, giúp đánh giá khả năng phân tích và lập luận. Trong khi đó, TNKQ yêu cầu lựa chọn đáp án có sẵn, đảm bảo tính khách quan trong chấm điểm. Các dạng TNKQ phổ biến gồm: đúng - sai, ghép đôi, điền khuyết và nhiều lựa chọn (NLC). Trong thực

tế, nhiều kỳ thi sử dụng hình thức kết hợp giữa TNKQ và tự luận nhằm phát huy ưu điểm của cả hai phương pháp trong đánh giá kết quả học tập.

2.2.2. Lý thuyết khảo thí hiện đại

Lý thuyết khảo thí hiện đại (IRT: Item Response Theory) hay còn gọi là lý thuyết ứng đáp câu hỏi/ lý thuyết hồi đáp là kết quả và phát triển từ Lý thuyết khảo thí cổ điển. IRT dựa trên mô hình toán học dùng để mô tả mối liên hệ giữa những đặc tính ẩn và những dấu hiệu có thể quan sát được. Ý tưởng về IRT được hình thành từ năm 1950 và được đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng vào những năm 1980. Lý thuyết IRT sử dụng 3 tham số chính để tính toán: độ khó của bài thi, mức độ phân loại học sinh của câu hỏi, mức độ phán đoán của thí sinh. Trong IRT lại phân ra 3 mô hình con: mô hình 1 biến, chỉ sử dụng tham số độ khó của bài thi để phân tích dữ liệu (còn được gọi là mô hình Rasch); mô hình 2 biến, sử dụng tham số độ khó và độ phân loại; mô hình 3 biến dùng cả 3 tham số để đánh giá dữ liệu. Càng nhiều tham số tham gia đánh giá thì độ phức tạp của mô hình càng tăng và mất nhiều thời gian hơn để phân tích và thu thập dữ liệu đầu vào. Trên thực tế, mô hình Rasch được sử dụng phổ biến nhất bởi sự cân bằng giữa các yếu tố của nó.

Công thức của mô hình Rasch [3]:

$$P = \frac{1}{1 + e^{-(\theta - \beta)}}$$

Trong đó: P: xác suất trả lời đúng câu hỏi

Theta: năng lực của thí sinh

Difficulty: độ khó của câu hỏi

Phần mềm CONQUEST được sử dụng để ứng dụng lý thuyết IRT vào phân tích dữ liệu của đề thi và năng lực thí sinh. Đây là phần mềm được viết bởi Hội đồng nghiên cứu giáo dục Australia nhằm phân tích dữ liệu đề thi và đánh giá năng lực của thí sinh. Các phiên bản đầu tiên của phần mềm chỉ thực hiện được việc phân tích đề thi với mô hình Rasch một tham số. Phần mềm CONQUEST với phiên bản 4.0 cho phép thực hiện việc phân tích đánh giá đề thi với mô hình IRT hai tham số.

Để sử dụng phần mềm CONQUEST cần có hai file dữ liệu đầu vào gồm file cấu hình dạng *.cqc và file chứa kết quả trả lời của thí sinh có định dạng *.dat. Việc sử dụng mô hình IRT nào (Rasch, 2 biến hay 3 biến) và yêu cầu thông đầu ra gồm các dữ liệu nào. File dữ liệu bao gồm các chuỗi câu trả lời của các thí sinh. Đầu ra của phần mềm phụ thuộc vào yêu cầu của file cấu hình, nhưng cơ bản sẽ có file đánh giá từng câu hỏi, sơ đồ so sánh năng lực học sinh và câu hỏi, bảng infit, outfit...

2.2.3. Quy trình biên soạn bộ câu hỏi TNKQ NLC cho học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam

Trên cơ sở Đề cương chi tiết học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam, thực tiễn giảng dạy và áp dụng một số nguyên tắc khoa học trong biên soạn câu TNKQ nhiều lựa chọn, chúng tôi đề xuất quy trình

xây dựng bộ câu hỏi học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam gồm 9 bước như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu dạy học: Việc xác định mục tiêu dạy học là vô cùng quan trọng trong hoạt động giảng dạy. Bởi mục tiêu dạy học không chỉ là đích hướng tới của hoạt động giảng dạy mà còn là cơ sở để đánh giá thành quả học tập của người học. Do vậy, người viết chương trình phải xác định được các tiêu chí về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ... mà sau khi học xong người học cần đạt được. Thang tri nhận Bloom được xem như là công cụ nền tảng hữu hiệu nhất hiện nay để xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra, hệ thống ngân hàng câu hỏi, bài tập dùng để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học sau khi kết thúc học phần. Ứng dụng thang đánh giá của Bloom vào học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam, chuẩn đầu ra về kiến thức cần đạt được của người học được xây dựng như sau:

KT1: Trình bày được một số khái niệm cơ bản trong văn hóa học;

KT2: Mô tả được đặc trưng cơ bản của một số thành tố văn hóa Việt Nam truyền thống.

KT3: Phân tích được những nền tảng hình thành của văn hóa Việt Nam truyền thống trên bình diện môi trường tự nhiên - xã hội - lịch sử - vùng văn hóa.

Có thể thấy chuẩn đầu ra về kiến thức (từ KT1 đến KT3) tương ứng với các cấp độ từ 1 đến 3 trong thang nhận thức của Bloom (thể hiện qua các động từ *trình bày, mô tả, phân tích*). Với chuẩn đầu ra này, dạng thức bài kiểm tra, đánh giá dùng cho thi hết học phần mà Bộ môn Ngữ văn đang lựa chọn là kết hợp câu hỏi TNKQ NLC và câu hỏi tự luận. Mỗi hình thức chiếm 50% tổng số điểm của cả bài. Trong đó, phần câu hỏi TNKQ NLC sẽ kiểm tra kiến thức thuộc các cấp độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, còn câu hỏi tự luận sẽ tập trung kiểm tra, đánh giá kiến thức của người học thuộc các cấp độ cao hơn.

Bước 2: Xây dựng ma trận câu hỏi: Sau khi đã phân tích, xác định các mục tiêu cụ thể của nội dung học phần, chúng tôi tiến hành phân chia, xác định số lượng cụ thể các câu hỏi trắc nghiệm cho mỗi nội dung lớn theo nguyên tắc bám sát nội dung, số tiết giảng dạy của mỗi nội dung đó trong chương trình chi tiết. Cách tính số lượng câu hỏi như sau:

$$\frac{\text{Số tiết mỗi nội dung} \times \text{tổng số lượng câu hỏi cần biên soạn}}{\text{Tổng số tiết của học phần}}$$

Trong năm học 2023 - 2024, một đề tài nghiên cứu biên soạn 150 câu TNKQ NLC cho học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam đã được thực hiện tại Trường Đại học Hà Nội. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ lấy con số 150 câu hỏi làm tiêu chuẩn tính toán minh họa. Cụ thể như sau:

- Nội dung 1: (4 tiết x 150 câu): 28 tiết = 21,4 câu;
- Nội dung 2: (4 tiết x 150 câu): 28 tiết = 21,4 câu;
- Nội dung 3: (6 tiết x 150 câu): 28 tiết = 32 câu;
- Nội dung 4: (4 tiết x 150 câu): 28 tiết = 21,4 câu;
- Nội dung 5: (8 tiết x 150 câu): 28 tiết = 42,8 câu.

Nhìn vào các con số nêu trên, chúng tôi nhận thấy có số lẻ hoặc số câu mà theo cảm quan cá nhân là ít hoặc nhiều so với hàm lượng kiến thức tương ứng mỗi nội dung của học phần, nên sau khi tham khảo ý kiến đồng nghiệp cũng như căn cứ vào mức hàm lượng kiến thức, mức độ quan trọng của nội dung mỗi nội dung lớn, chúng tôi đã tiến hành điều chỉnh lại số lượng câu hỏi cho phù hợp với thực tế giảng dạy. Cụ thể, trong đề tài nghiên cứu nói trên, chúng tôi điều chỉnh như sau: Nội dung 1: 20 câu; Nội dung 2: 30 câu; Nội dung 3: 35 câu; Nội dung 4: 20 câu; Nội dung 5: 45 câu.

Khi đã có tổng số câu hỏi cho mỗi nội dung, bước tiếp theo là xác định tỷ trọng câu hỏi cho mỗi nội dung dựa theo thang Bloom. Theo đó, các câu hỏi được quy thành 3 mức: Nhớ - Hiểu - Vận dụng tương ứng với số lượng câu hỏi của mỗi chương là: 30% Nhớ - 50% Hiểu - 20% Vận dụng. Cấp độ Nhớ, sinh viên thể hiện khả năng nhớ lại và nhận biết những kiến thức đã học mà không cần giải thích. Cấp độ Hiểu, sinh viên không những chỉ nhớ kiến thức mà còn phải hiểu thấu đáo để có thể phân tích hay diễn giải vấn đề dựa trên thông tin đã có. Cấp độ Vận dụng, sinh viên biết vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống mới. Dưới đây là Bảng phân bố tỷ trọng minh họa theo chuẩn đầu ra của chương trình trên cơ sở cấp độ nhận thức của Bloom và Bảng đặc tả câu hỏi theo chương trình chi tiết.

Bảng 1: Bảng phân bố tỷ trọng theo chuẩn đầu ra của chương trình

Nội dung	Số câu	Nhớ (30%)	Hiểu (50%)	Vận dụng (20%)
ND1: Các khái niệm cơ bản	20	6	10	4
ND2: Nền tảng hình thành văn hóa Việt Nam truyền thống	30	9	15	6
ND3: Diễn trình văn hóa Việt Nam	35	10	18	7
ND5: Các vùng văn hóa ở Việt Nam	20	6	10	4
ND: Một số thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam truyền thống	45	13	23	9
Tổng	150	44	76	30

Bảng 2: Bảng đặc tả câu hỏi theo Đề cương chi tiết học phần

Nội dung chương trình	Mức độ			Tổng số câu
	Nhớ	Hiểu	Vận dụng	
1. Các khái niệm cơ bản				
1.1 Khái quát về văn hóa				
1.1.1 Khái niệm				
1.1.2 Đặc trưng và chức năng của văn hóa	2	1		
1.1.3 Cấu trúc của hệ thống văn hóa				
1.2 Mối quan hệ giữa văn hóa và con người				
1.2.1 Con người - chủ/ khách thể của văn hóa	1		2	

1.2.2 Con người Việt Nam: chủ/khách thể của văn hóa Việt Nam				
1.3 Các khái niệm khác				
1.3.1 Văn minh và mối quan hệ với khái niệm văn hóa				
1.3.2 Văn hiến - văn vật và mối quan hệ với khái niệm văn hóa	2	1		
1.3.3 Di sản văn hóa		2		
1.4 Tiếp xúc và giao lưu văn hóa, tiếp biến văn hóa				
1.4.1 Khái niệm	1	1		
1.4.2 Giao lưu, tiếp biến văn hóa của văn hóa Việt Nam trong lịch sử và hiện nay		5	2	
Tổng (1)	6	10	4	20
ND2: Những nền tảng hình thành của văn hóa Việt Nam truyền thống				
2.1 Môi trường tự nhiên, hệ sinh thái với vấn đề bản sắc văn hóa Việt Nam				
2.1.1 Đặc điểm môi trường tự nhiên, hệ sinh thái Việt Nam		2		
2.1.2 Dấu ấn của môi trường tự nhiên- sinh thái trong một số các thành tố văn hóa Việt Nam truyền thống	3	3	2	
2.2 Nền tảng kinh tế của văn hóa Việt Nam	2	1		
2.3 Hoàn cảnh lịch sử - xã hội của văn hóa Việt Nam truyền thống	4	10	4	
Tổng (2)	9	15	6	30
ND3: Diễn trình văn hóa Việt Nam				
3.1 Văn hóa Việt Nam thời kỳ tiền sử	1	2		
3.2 Văn hóa Việt Nam thời kỳ sơ sử	1	4	2	
3.3 Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên	1	3	2	
3.4 Văn hóa Việt Nam thời tự chủ	4	8	3	
3.5 Văn hóa Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945	2	1		
3.6 Văn hóa Việt Nam từ năm 1945 đến nay	1			
Tổng (3)	10	18	7	35
ND4: Không gian văn hóa và phân vùng văn hóa ở Việt Nam				
4.1 Khái quát về không gian văn hóa và phân vùng văn hóa			1	
4.2 Các vùng văn hóa ở Việt Nam				
4.2.1 Vùng văn hóa Tây Bắc	1	1		
4.2.2 Vùng văn hóa Việt Bắc	1	1		
4.2.3 Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ	1	3	1	
4.2.4 Vùng văn hóa Trung Bộ	1	2	1	
4.2.5 Vùng văn hóa Tây Nguyên	1	1		
4.2.6 Vùng văn hóa Nam Bộ	1	2	1	
Tổng (4)	6	10	4	20
ND 5: Một số thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam truyền thống				
5.1 Văn hóa đời sống vật chất: ăn - mặc - ở - đi lại	3	3		
5.2 Văn hóa tổ chức cộng đồng				
5.2.1 Gia đình Việt	1	3		
5.2.2 Tổ chức làng xã cổ truyền	1	3	2	

5.2.3 Tổ chức Quốc gia	1	2	3	
5.2.4 Tổ chức đô thị	1	2		
5.3 Văn hóa đời sống tinh thần				
5.3.1 Tín ngưỡng	1	3	2	
5.3.2 Tôn giáo, tư tưởng	1	3		
5.3.3 Phong tục tập quán: hôn nhân, tang ma, lễ tết, lễ hội	2	3	1	
5.3.4 Văn hóa giao tiếp	1	1	1	
5.3.5 Ngôn ngữ và nghệ thuật ngôn từ	1			
Tổng (5)	13	23	9	45
Tổng (1+2+3+4+5)	44	76	30	150

Bước 3: Viết câu hỏi trắc nghiệm: Dựa vào Bảng đặc tả đã được xác định trên đây, tiến hành biên soạn câu hỏi TNKQ NLC. Theo như lập luận ở Bước 2, tỷ lệ Nhớ - Hiểu - Vận dụng ở mỗi chương được phân bố là 30% - 50% - 20%. Các câu hỏi được viết trên cơ sở bám sát mục tiêu, nội dung kiến thức chương trình khung chi tiết, học liệu của học phần., đồng thời câu hỏi cần được tuân thủ các nguyên tắc xây dựng TNKQ NLC, đặc biệt là khi biên soạn các phương án chọn.

Bước 4: Mã hóa câu hỏi: Sau khi biên soạn được bộ câu hỏi TNKQ NLC, việc tiếp theo là tiến hành mã hóa câu hỏi theo chuẩn đầu ra của chương trình chi tiết. Việc mã hóa này giúp người sử dụng bộ câu hỏi thuận tiện hơn khi dùng để rút tạo đề thi. Cách mã hóa là: câu số/Nội dung/ mục/kiến thức/bậc kiến thức theo thang nhận thức Blooms với 3 cấp độ: Nhớ - Hiểu - Vận dụng.

Bước 5 và Bước 6: Lấy ý kiến chuyên gia và Điều chỉnh/chỉnh sửa câu hỏi sau khi lấy ý kiến chuyên gia: Sau khi hoàn tất việc biên soạn, bộ câu hỏi sẽ được gửi tới các chuyên gia để nhận xét, góp ý. Cần chọn đúng chuyên gia có năng lực về chuyên môn và phẩm chất trung thực trong khoa học. Khi sử dụng phương pháp này cần lưu ý hạn chế mức thấp nhất ảnh hưởng chi phối của các chuyên gia về chính kiến, quan điểm.

Bước 7: Thực nghiệm sư phạm: Trong bước này, việc chọn mẫu và số lượng mẫu là rất quan trọng vì ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả đánh giá chất lượng bộ câu hỏi. Số lượng mẫu cần đủ nhiều để cho kết quả khách quan nhất. Bên cạnh đó, môi trường tổ chức thử nghiệm sư phạm cũng cần được tạo ra gần giống môi trường thi thật với các yếu tố áp lực về thời gian, áp lực điểm số.

Bước 8: Phân tích kết quả: Sau khi tổ chức thực nghiệm sư phạm, chấm điểm, bước tiếp theo cần làm là tiến hành phân tích câu hỏi thi và đề thi bằng phương pháp định lượng một cách thủ công hoặc sử dụng các phần mềm phân tích. Phân tích giúp đưa ra các thông số về câu hỏi và đề thi, giúp người biên soạn câu hỏi loại bỏ những câu hỏi chất lượng kém hoặc chỉnh sửa, hoàn thiện chúng. Việc phân

tích được áp dụng lý thuyết khảo thí hiện đại với các thông số bao gồm: độ giá trị, độ tin cậy, độ phù hợp, độ phân biệt của câu hỏi. Các bước thực hiện như sau: từ các phiếu trả lời của thí sinh, chúng tôi nhập dữ liệu vào excel. Sau khi làm sạch, dữ liệu được chuyển về các định dạng phù hợp với các phần mềm phân tích. Các phần mềm được sử dụng gồm có: dữ liệu SPSS; CONQUEST, IANTA. Hướng phân tích cụ thể gồm: (1) Thống kê mô tả (sử dụng dữ liệu SPSS); (2) Đánh giá chất lượng đề kiểm tra; độ khó của câu hỏi theo năng lực thí sinh (sử dụng dữ liệu CONQUEST); (3) Đánh giá chất lượng của từng câu hỏi (sử dụng dữ liệu IATA, CONQUEST).

Bước 9: Điều chỉnh/ chỉnh sửa câu hỏi dựa trên kết quả phân tích thử nghiệm sư phạm: Đây là bước cuối cùng của quy trình biên soạn câu hỏi TNKQ NLC. Trên cơ sở kết quả phân tích ở bước 8, người biên soạn cần nhắc điều chỉnh hoặc chỉnh sửa theo gợi ý của Báo cáo phân tích. Việc điều chỉnh có thể là điều chỉnh ma trận câu hỏi, cũng có thể là điều chỉnh mức độ nhận thức dễ - khó. Việc chỉnh sửa có thể là chỉnh sửa cách diễn đạt câu dẫn hay câu đáp án lựa chọn cho tường minh hơn. Thậm chí có thể còn phải thay câu hỏi mới.

3. Kết luận

KTĐG là khâu then chốt cuối cùng nhằm tổng kết quá trình dạy và học. KTĐG tạo ra động lực kép: đối với người học, việc KTĐG khách quan, nghiêm túc, đúng cách, đúng hướng sẽ là động lực khích lệ sự vươn lên trong học tập; đối với người dạy: trên cơ sở của kết quả KTĐG, người dạy sẽ có những điều chỉnh nhất định về nội dung và phương pháp dạy học nhằm hướng tới việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đề kiểm tra là một trong những công cụ chủ yếu nhằm đánh giá kết quả học tập của người học. Do vậy, việc xây dựng được một quy trình biên soạn câu hỏi dùng trong KTĐG và nghiêm túc tuân

thủ quy trình đó sẽ góp phần nâng cao chất lượng đề kiểm tra, đánh giá chuẩn xác kết quả học tập của người học. Điều này có tác dụng tích cực đến quá trình tự học của sinh viên đồng thời cũng giúp hạn chế được tình trạng tiêu cực khi kiểm tra, tạo động lực cho người tích cực hơn trong học tập ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Đức Chính, Đinh Thị Kim Thoa, Lê Thái Hưng (2010). *Tập bài giảng Đo lường và đánh giá trong giáo dục*. Đại học Giáo dục, Hà Nội
- [2]. Trần Bá Hoàn (1996). *Đánh giá trong giáo dục*. Hà Nội: Giáo dục.
- [3]. Lâm Quang Thiệp (2012). *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường*. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4]. Lâm Quang Thiệp (2010). *Đo lường trong giáo dục - Lý thuyết và Ứng dụng*. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS.
- [6]. *Quyết định số 288/QĐ-ĐHHN về Chương trình khung đào tạo*.
- [7]. *Đề cương chi tiết học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam, Bộ môn Ngữ văn, Trường Đại học Hà Nội (bản chỉnh sửa năm 2021*
- [8]. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*.
- [9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Báo cáo tổng kết hoạt động dạy học trực tuyến trong bối cảnh dịch COVID-19*.
- [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025*. Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT, ngày 10 tháng 5 năm 2022.

Process for compiling a set of multiple-choice objective questions for the course "Fundamentals of Vietnamese Culture" at Hanoi University

Nguyen Thi Ha

Subject of Vietnamese Language and Literature, Hanoi University

Email: hanguyen@hanu.edu.vn.

Abstract: To ensure the effectiveness and reliability of objective multiple-choice test questions, identifying and establishing compilation process steps is very important. Based on the principles of assessment theory and test theory, this paper proposes the necessary steps for compiling a set of multiple-choice objective test questions for the course "Fundamentals of Vietnamese Culture" in the Subject of Vietnamese Literature at Hanoi University.

Keywords: Process, compilation, questionnaire, objective test, Fundamentals of Vietnamese Culture course.